

Bản án số: **306/2025/DS-ST**

Ngày 05-9-2025

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Bà **Nguyễn Thị Cúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tới** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Tuyết L - Sinh năm 1964; Địa chỉ: Số A đường A, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan H - Sinh năm 1958; Địa chỉ: 5 đường B, tổ D, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị T - Sinh năm 1953; Địa chỉ: A đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bà Phan Thị T1 - Sinh năm 1961; Địa chỉ: P chung cư N, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Bà Phan Thị T2 - Sinh năm 1962; Địa chỉ: 5 đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. Bà Phan Thị Lan N - Sinh năm 1966; Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5. Bà Lê Thị H1; Địa chỉ: B đường V, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

6. Ông Phan Minh Q - Sinh năm 1973; Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

7. Ông Phan Minh Á - Sinh năm 1974; Địa chỉ: K đường P, phường T, TP Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Phan Minh M - Sinh năm 1980; Địa chỉ: Số B đường V, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

9. Ông Phan Minh Q1 - Sinh năm 1985; Địa chỉ: Số B đường V, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

10. Ông Trần Trọng U - Sinh năm 1947; Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Nam P - Sinh năm 1982; Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền ngày 13.4.2021). Vắng mặt.

11. Ông Trần Hoàng Q2 - Sinh năm 1972; Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Nam P - Sinh năm 1982; Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền ngày 13.4.2021). Vắng mặt.

12. Ông Trần Tấn Đ - Sinh năm 1974; Địa chỉ: K236 đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Nam P - Sinh năm 1982; Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền ngày 09.12.2019). Vắng mặt.

13. Bà Trần Thị Nam P - Sinh năm 1982; Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

14. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1958; Địa chỉ: 5 đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

15. Bà Ngô Thị Kim C1, sinh năm: 1972; Địa chỉ: 5 đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

16. Cháu Phan Minh H2, sinh năm: 2005 và cháu Phan Minh Q3, sinh năm: 2009; Cùng địa chỉ: 5 đường B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp cho hai cháu H2 và Q3: Ông Phan Minh Q và bà Ngô Thị Kim C1. Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Ông Q có mặt, bà C1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Thị Tuyết L trình bày:**

Bà Phan Thị Tuyết L là con của ông Phan T3 (sinh năm 1921; chết ngày 20/11/1985) và bà Huỳnh Thị B (sinh năm 1929; chết ngày 04/10/2002).

- Cha mẹ của ông Phan T3 là cha (không rõ) và bà Võ Thị T4. Tại thời điểm ông Phan T3 chết thì cha mẹ của ông Phan T3 đã chết rất lâu, không rõ năm chết, không có giấy chứng tử.

- Cha mẹ của bà Huỳnh Thị B là ông Huỳnh H3 và bà Nguyễn Thị X. Tại thời điểm bà Huỳnh Thị B chết thì cha mẹ của bà Huỳnh Thị B đã chết rất lâu, không rõ năm chết, không có giấy chứng tử.

- Sinh thời, cha mẹ bà Phan Thị Tuyết L là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B có 08 người con:

1. Bà Phan Thị T5 – sinh năm 1951, chết ngày 14/4/1998. Bà T5 chết sau thời điểm cha là ông T3 chết, chết trước thời điểm mẹ là bà B chết. Thời điểm bà T5 chết thì hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 gồm có:

+ Mẹ: Bà Trần Thị B1 (chết ngày 04/10/2002);

+ Chồng: Trần Trọng U' – sinh năm 1947;

+ Con: Trần Hoàng Q2 – sinh năm 1972;

+ Con: Trần Tấn Đ – sinh năm 1974;

+ Con: Trần Thị Nam P – sinh năm 1982;

2. Bà Phan Thị T – sinh năm 1953;

3. Ông Phan L1 – sinh năm 1956, chết ngày 01/11/2001. Ông L1 chết sau thời điểm cha là ông T3 chết, chết trước thời điểm mẹ là bà B1 chết. Thời điểm ông L1 chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 gồm có:

+ Mẹ: Bà Trần Thị B1 (chết ngày 04/10/2002);

+ Vợ: Lê Thị H1;

+ Con: Phan Minh Q – sinh năm 1973;

+ Con: Phan Minh Á – sinh năm 1974;

+ Con: Phan Minh M - sinh năm 1980;

+ Con: Phan Minh Q1 – sinh năm 1985;

4. Ông Phan H – sinh năm 1958 (là bị đơn);

5. Bà Phan Thị T1 – sinh năm 1961;

6. Bà Phan Thị T2 – sinh năm 1962;

7. Bà Phan Thị Tuyết L – sinh năm 1964 (là nguyên đơn);

8. Bà Phan Thị Lan N – sinh năm 1966;

Ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B không có con riêng, con nuôi nào khác

Tuy nhiên, cha mẹ bà Phan Thị Tuyết L là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B chết không để lại di chúc bằng văn bản, giấy tờ cũng như bằng miệng.

Di sản do cha mẹ để lại theo giấy chứng nhận được cấp thì quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, có diện tích 101,80m², nhà ở có diện tích xây dựng là 95,2 m² tọa lạc tại 5 B, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường T, quận H,

thành phố Đà Nẵng cũ) (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do UBND thành phố Đ cấp ngày 22.02.2001 cho cụ Huỳnh Thị B và cụ Phan T3). Qua xem xét hiện trạng thực thể thì khoảng sân trời trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã được lợp tôn và sử dụng; đối với số đo thửa đất hướng giáp đường kiệt Bắc Đầu ghi nhận chiều dài là 9,16 m (dư so với giấy chứng nhận được cấp là 0,56m). Việc chiều dài tăng lên là do hai nhà bên cạnh xây nhà nhưng vẫn chừa lại 01 khoảng trống giáp ranh có chiều dài từ 0,2m-0,3m. Đối với phần chiều dài tăng thêm này bà Phan Thị Tuyết L thống nhất không yêu cầu giải quyết mà đề nghị giải quyết theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Hiện nay di sản do gia đình ông H (ông H và vợ là bà C1) và bà T2 quản lý, sử dụng. Đối với ông Phan Minh Q, vợ ông Q là bà Ngô Thị Minh C2 và 02 con của ông Q là cháu Phan Minh H2, cháu Phan Minh Q3 đã mua nhà nên đã dọn đi, không còn ở tại di sản.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T6 thì:

- + Giá trị quyền sử dụng đất: 4.628.439.000 đồng.
- + Giá trị tài sản gắn liền với đất: 64.831.000 đồng.

Bà Phan Thị Tuyết L thống nhất với chứng thư và không yêu cầu thẩm định giá lại tài sản.

Nguyện vọng của bà Phan Thị Tuyết L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Bà L đề nghị chia di sản thừa kế thành 08 phần cho 08 người con. Đối với phần di sản thừa kế của bà T1, bà N và bà T5 đã thống nhất chuyển cho bà L nên bà L đề nghị nhận tổng cộng 04 phần. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định di sản thừa kế không thể chia bằng hiện vật nên bà L đề nghị giao ông Phan H nhận di sản thừa kế và có nghĩa vụ thời trả cho bà L 4/8 giá trị di sản.

*** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn là ông Phan H trình bày:**

Ông Phan H xác nhận cha mẹ là ông Phan T3 (sinh năm 1921; chết ngày 20/11/1985) và bà Huỳnh Thị B (sinh năm 1929; chết ngày 04/10/2002).

- Cha mẹ của ông Phan T3 là ông Phan Văn H4 và bà Võ Thị T4. Ông H4 mất năm 1930, bà T4 mất năm 1970, các thông tin này do cha mẹ ông H để lại để thờ cúng, còn giấy chứng tử thời điểm đó không có quy định phải khai tử.

- Cha mẹ của bà Huỳnh Thị B là ông Huỳnh H3 và bà Nguyễn Thị X. Ông H3 và bà X mất năm 1970, các thông tin này do cha mẹ ông H để lại để thờ cúng, còn giấy chứng tử thời điểm đó không có quy định phải khai tử.

- Sinh thời, cha mẹ ông Phan H là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B có 08 người con:

1. Bà Phan Thị T5 – sinh năm 1951, chết ngày 14/4/1998. Bà T5 chết sau thời điểm cha là ông T3 chết, chết trước thời điểm mẹ là bà B chết. Thời điểm bà T5 chết thì hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 gồm có:

- + Mẹ: Bà Trần Thị B1;
- + Chồng: Trần Trọng U – sinh năm 1947;

- + Con: Trần Hoàng Q2 – sinh năm 1972;
- + Con: Trần Tấn Đ – sinh năm 1974;
- + Con: Trần Thị Nam P – sinh năm 1982;
- 2. Bà Phan Thị T – sinh năm 1953;
- 3. Ông Phan L1 – sinh năm 1956, chết năm 2001. Ông L1 chết sau thời điểm cha là ông T3 chết, chết trước thời điểm mẹ là bà B1 chết. Thời điểm ông L1 chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 gồm có:
 - + Mẹ: Bà Trần Thị B1 sinh năm 1929;
 - + Vợ: Lê Thị H1;
 - + Con: Phan Minh Q – sinh năm 1973;
 - + Con: Phan Minh Á – sinh năm 1974;
 - + Con: Phan Minh M - sinh năm 1980;
 - + Con: Phan Minh Q1 – sinh năm 1985;
- 4. Ông Phan H – sinh năm 1958;
- 5. Bà Phan Thị T1 – sinh năm 1961;
- 6. Bà Phan Thị T2 – sinh năm 1962;
- 7. Bà Phan Thị Tuyết L – sinh năm 1964;
- 8. Bà Phan Thị Lan N – sinh năm 1966;

Ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B không có con riêng, con nuôi nào khác.

Di sản do cha mẹ để lại theo giấy chứng nhận được cấp thì quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, có diện tích 101,80m², nhà ở có diện tích xây dựng là 95,2 m² tọa lạc tại 5 B, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cũ) (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do UBND thành phố Đ cấp ngày 22.02.2001 cho cụ Huỳnh Thị B và cụ Phan T3). Qua xem xét hiện trạng thực thể thì khoảng sân trời trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã được lợp tôn và sử dụng; đối với số đo thửa đất hướng giáp đường kiệt Bắc Đẩu ghi nhận chiều dài là 9,16 m (dư so với giấy chứng nhận được cấp là 0,56m). Việc chiều dài tăng lên là do hai nhà bên cạnh xây nhà nhưng vẫn chừa lại 01 khoảng trống giáp ranh có chiều dài từ 0,2m-0,3m. Đối với phần chiều dài tăng thêm này ông Phan H thống nhất không yêu cầu giải quyết mà đề nghị giải quyết theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Hiện nay di sản do gia đình ông Phan H (gồm ông H và vợ là bà C2), bà T2 quản lý, sử dụng. Đối với ông Phan Minh Q và vợ con là bà Ngô Thị Minh C2, 02 con là Phan Minh H2 và Phan Minh Q3 đã mua nhà nơi khác.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T6 thì:

- + Giá trị quyền sử dụng đất: 4.628.439.000 đồng.
- + Giá trị tài sản gắn liền với đất: 64.831.000 đồng.

Ông Phan H thống nhất với chứng thư và không yêu cầu thẩm định giá lại tài sản. Quá trình sử dụng ông Phan H có sửa chữa nhỏ, không đáng kể nên ông H xác định toàn bộ nhà đất là di sản thừa kế.

Cha mẹ ông Phan H chết không để lại di chúc bằng văn bản. Tuy nhiên, sinh thời cha mẹ có nguyện vọng để lại di sản cho ông Phan H thờ cúng; ông H không có con nên sau khi ông H mất, di sản sẽ chuyển cho cháu nội tiếp tục thờ cúng. Nguyện vọng của cha mẹ về di sản chỉ thể hiện nguyện vọng bằng miệng trước khi mất, không lập thành văn bản.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L thì ông Phan H có ý kiến như sau:

Đây là di sản của cha mẹ để lại để thờ cúng tổ tiên nên nguyện vọng của ông Phan H là tiếp tục được sử dụng ngôi nhà này cho đến khi chết; do vợ chồng ông Phan H không có con cái nên khi ông H chết đi thì sẽ di chúc lại ngôi nhà cho 01 trong các cháu nội để tiếp tục thờ cúng tổ tiên.

Nếu tòa án giải quyết chia thừa kế thì ông Phan H đề nghị chia thành 02 phần cho con trai và con gái. 01 phần cho con trai bao gồm ông H và gia đình ông Phan L1 (đã chết). 01 phần cho con gái gồm 06 người con gái còn lại. Đồng thời, ông H đề nghị xem xét công sức đóng góp của ông H trong việc giữ gìn tài sản, đóng thuế, thờ cúng tổ tiên từ trước đến nay. Hiện nay vợ chồng ông H đang sinh sống trong căn nhà nhưng do kinh tế quá khó khăn nên không có khả năng bồi trả cho bà Tuyết L và những người thừa kế khác, đề nghị Tòa án giải quyết trên cơ sở đúng quy định của pháp luật và hợp tình hợp lý.

*** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T trình bày:**

Bà Phan Thị T xác định hàng thừa kế của cha mẹ là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B như bà L và ông H trình bày.

Di sản mà cha mẹ là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, có diện tích 101,80m², nhà ở có diện tích xây dựng là 95,2 m² tọa lạc tại 5 B, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cũ) (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do UBND thành phố Đ cấp ngày 22.02.2001 cho cụ Huỳnh Thị B và cụ Phan T3). Qua xem xét hiện trạng thực thể thì khoảng sân trời trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã được lợp tôn và sử dụng; đối với số đo thửa đất hướng giáp đường kiệt Bắc Đầu ghi nhận chiều dài là 9,16 m (dư so với giấy chứng nhận được cấp là 0,56m). Việc chiều dài tăng lên là do hai nhà bên cạnh xây nhà nhưng vẫn chừa lại 01 khoảng trống giáp ranh có chiều dài từ 0,2m-0,3m. Đối với phần chiều dài tăng thêm này bà Phan Thị T thống nhất không yêu cầu giải quyết mà đề nghị giải quyết theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Bà T thống nhất kết quả thẩm định giá, không yêu cầu định giá lại di sản.

Tuy nhiên cha mẹ bà Phan Thị T chết không để lại di chúc bằng văn bản hay bằng miệng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L thì bà Phan Thị T có ý kiến như sau: Bà T đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ làm 09 phần, mỗi người nhận 01 phần, riêng ông Phan H nhận 02 phần hoặc hơn. Bà Phan Thị T xin nhận phần thừa kế mà mình được hưởng và xử lý theo tình hình thực tế.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết bà Phan Thị T1 trình bày:**

Bà Phan Thị T1 xác định hàng thừa kế của cha mẹ là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B như bà L và ông H trình bày.

Di sản mà cha mẹ là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, có diện tích 101,80m², nhà ở có diện tích xây dựng là 95,2 m² tọa lạc tại 5 B, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cũ) (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do UBND thành phố Đ cấp ngày 22.02.2001 cho cụ Huỳnh Thị B và cụ Phan T3).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L thì bà Phan Thị T1 có ý kiến như sau: Bà Phan Thị T1 đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ làm 08 phần, mỗi người nhận 01 phần. Riêng phần của bà Phan Thị T1 được hưởng thì bà T1 sẽ nhường lại cho bà Phan Thị Tuyết L.

*** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T2 trình bày:**

Bà Phan Thị T2 xác định hàng thừa kế của cha mẹ là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B như bà L và ông H trình bày.

Di sản mà cha mẹ là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, có diện tích 101,80m², nhà ở có diện tích xây dựng là 95,2 m² tọa lạc 5 đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cũ) (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do UBND thành phố Đ cấp ngày 22.02.2001 cho cụ Huỳnh Thị B và cụ Phan T3). Qua xem xét hiện trạng thực thể thì khoảng sân trời trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã được lợp tôn và sử dụng; đối với số đo thửa đất hướng giáp đường kiệt Bắc Đầu ghi nhận chiều dài là 9,16 m (dư so với giấy chứng nhận được cấp là 0,56m). Việc chiều dài tăng lên là do hai nhà bên cạnh xây nhà nhưng vẫn chừa lại 01 khoảng trống giáp ranh có chiều dài từ 0,2m-0,3m. Đối với phần chiều dài tăng thêm này bà Phan Thị T2 thống nhất không yêu cầu giải quyết mà đề nghị giải quyết theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T6 thì:

+ Giá trị quyền sử dụng đất: 4.628.439.000 đồng.

+ Giá trị tài sản gắn liền với đất: 64.831.000 đồng.

Bà Phan Thị T2 thống nhất với chứng thư và không yêu cầu thẩm định giá lại tài sản.

Hiện nay bà Phan Thị T2 đang sử dụng một phần nhà đất. Ngoài ra, nhà đất còn có gia đình ông H (ông H và vợ là bà C2) đang quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng nhà cửa có hư hại, bà T2 có đứng ra lợp tôn lại nhưng giá trị sửa chữa không đáng kể nên bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần này mà xác định toàn bộ nhà đất thuộc di sản thừa kế.

Cha mẹ là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B chết không để lại di chúc bằng miệng hay bằng văn bản. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L thì bà T2 có ý kiến như sau: Bà T2 đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ làm 08 phần, người nào nhận nhà đất thì có trách nhiệm bồi trả cho bà T2 01 phần để bà T2 ổn định chỗ ở mới vì hoàn cảnh rất khó khăn.

*** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Lan N trình bày:**

Bà Phan Thị Lan N xác định hàng thừa kế của cha mẹ ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B như bà L và ông H trình bày.

Di sản mà cha mẹ là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, có diện tích 101,80m², nhà ở có diện tích xây dựng là 95,2 m² tọa lạc tại 5 đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cũ) (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do UBND thành phố Đ cấp ngày 22.02.2001 cho cụ Huỳnh Thị B và cụ Phan T3). Qua xem xét hiện trạng thực thể thì khoảng sân trời trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã được lợp tôn và sử dụng; đối với số đo thửa đất hướng giáp đường kiệt Bắc Đẩu ghi nhận chiều dài là 9,16 m (dư so với giấy chứng nhận được cấp là 0,56m). Việc chiều dài tăng lên là do hai nhà bên cạnh xây nhà nhưng vẫn chưa lại 01 khoảng trống giáp ranh có chiều dài từ 0,2m-0,3m. Đối với phần chiều dài tăng thêm này bà Phan Thị T2 thống nhất không yêu cầu giải quyết mà đề nghị giải quyết theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T6 thì:

+ Giá trị quyền sử dụng đất: 4.628.439.000 đồng.

+ Giá trị tài sản gắn liền với đất: 64.831.000 đồng.

Bà Phan Thị Lan N thống nhất với chứng thư và không yêu cầu thẩm định giá lại tài sản.

Cha mẹ bà Lan N chết không để lại di chúc bằng văn bản hay bằng miệng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L thì bà Lan N có ý kiến như sau: Bà Lan N đồng ý là chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại làm 08 phần, mỗi người nhận 01 phần. Riêng phần của bà Lan N được hưởng thì nhường lại cho bà Phan Thị Tuyết L.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H1 không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

*** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Minh Q trình bày:**

Ông Phan Minh Q là con của ông Phan L1 (Là con ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B) và bà Lê Thị H1. Ông Q xác định hàng thừa kế của ông bà nội là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B như bà L và ông H trình bày.

Di sản mà ông bà nội là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, có diện tích 101,80m², nhà ở có diện tích xây dựng là 95,2 m² tọa lạc tại 5 đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cũ) (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do UBND thành phố Đ cấp ngày 22.02.2001 cho cụ Huỳnh Thị B và cụ Phan T3). Ông Q đề nghị giải quyết di sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, không đề nghị định giá lại tài sản.

Trước đây vợ chồng ông Phan Minh Q và 02 con có sống tại di sản thừa kế nhưng hiện nay đã mua nhà và chuyển đi nơi khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L thì ông Phan Minh Q có ý kiến như sau: Đề nghị không chia di sản thừa kế mà để lại để thờ cúng ông bà. Trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế thì phần ông Phan Minh Q được nhận từ cha là ông Phan L1 đề nghị giao cho ông Phan H.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Minh Á vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên tại Bản tự khai ngày 21/8/2025 ông Phan Minh Á trình bày:**

Ông Phan Minh Á là con của ông Phan L1 (Là con ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B) và bà Lê Thị H1. Ông Phan Minh Á xác định hàng thừa kế của ông bà nội là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B như bà L và ông H trình bày.

Di sản mà ông bà nội là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B để lại là nhà đất tại địa chỉ 5 B, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Lúc sinh thời ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B có 08 người con:

1. Ông Phan L1 – sinh năm 1956, chết năm 2001. Ông L1 có vợ là bà Lê Thị H1 và các con là: Phan Minh Q – sinh năm 1973; Phan Minh Á – sinh năm 1974; Phan Minh M - sinh năm 1980; Phan Minh Q1 – sinh năm 1985;

2. Ông Phan H – sinh năm 1958;

3. Bà Phan Thị T5 – sinh năm 1951;

4. Bà Phan Thị T – sinh năm 1953;

5. Bà Phan Thị T1 – sinh năm 1961;

6. Bà Phan Thị T2 – sinh năm 1962;

7. Bà Phan Thị Tuyết L – sinh năm 1964;

8. Bà Phan Thị Lan N – sinh năm 1966;

Do các cô đã đi lấy chồng, ông bà trước khi mất không để lại di chúc. Di sản của ông bà để lại do ông Phan H và ông Phan Minh Q đồng quản lý, sử dụng. Lúc sinh thời ông bà có nguyện vọng để lại làm nơi thờ cúng sau này nhưng không may không để lại di chúc. Vì vậy ông Phan Minh Á không đồng ý chia thừa kế, mua bán

đổi cho, bản thân ông có một phần trách nhiệm bảo vệ và duy trì di sản nói trên mặc dù đó không phải là tài sản của ông. Ông Phan Minh Á muốn giữ nguyên hiện trạng.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Minh M vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông Phan Minh M trình bày:**

Ông Phan Minh M là con của ông Phan L1 (Là con ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B) và bà Lê Thị H1. Ông Phan Minh M xác định hàng thừa kế của ông bà nội là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B như bà L và ông H trình bày.

Di sản mà ông bà nội là ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, có diện tích 101,80m², nhà ở có diện tích xây dựng là 95,2 m² tọa lạc tại tổ E, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do UBND thành phố Đ cấp ngày 22.02.2001 cho cụ Huỳnh Thị B và cụ Phan T3).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L thì ông Phan Minh M có ý kiến như sau: Ông M đề nghị chia di sản thừa kế của ông bà để lại làm 09 phần, mỗi người nhận 01 phần, riêng ông Phan H nhận 02 phần. Ông Phan Minh M xin nhận phần thừa kế mà mình được hưởng từ cha là ông Phan L1.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Minh Q1 vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Minh Q1 ủy quyền cho ông Phan Minh Q để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/11/2019 (Theo Giấy ủy quyền ngày 18.11.2019 tại UBND phường T, quận H, TP Đà Nẵng). Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Phan Minh Q khai nhận không xác định được ý chí của ông Q1 tại thời điểm hiện nay và không còn được ông Q1 ủy quyền tham gia tố tụng.**

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Trọng U', ông Trần Hoàng Q2, ông Trần Tấn Đ (đại diện theo ủy quyền của ông U', ông Q2 và ông Đ là bà Trần Thị Nam P), bà Trần Thị Nam P vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Nam P trình bày:**

Bà Phan Thị T5 là con của ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B. Bà Phan Thị T5 chết năm 1998, có chồng là ông Trần Trọng U' và 03 con là Trần Hoàng Q2, Trần Tấn Đ và Trần Thị Nam P. Ông Trần Trọng U', ông Trần Hoàng Q2, ông Trần Tấn Đ và bà Trần Thị Nam P xác định hàng thừa kế của ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B như bà L và ông H trình bày.

Di sản mà ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, có diện tích 101,80m², nhà ở có diện tích xây dựng là 95,2 m² tọa lạc tại tổ E, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do UBND thành phố Đ cấp ngày 22.02.2001 cho cụ Huỳnh Thị B và cụ Phan T3).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L thì ông Trần Trọng U', ông Trần Hoàng Q2, ông Trần Tấn Đ và bà Trần Thị Nam P có ý kiến như sau: Đồng ý là chia di sản thừa kế của ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B để lại làm 08 phần. Riêng phần của ông Trần Trọng U', ông Trần Hoàng Q2, ông Trần Tấn Đ và bà Trần Thị

Nam P được hưởng từ bà Phan Thị T5 thì thống nhất nhường lại cho bà Phan Thị Tuyết L.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C, Ngô Thị Kim C1, cháu Phan Minh H2, cháu Phan Minh Q3 (đại diện theo pháp luật của cháu H2 và cháu Q3 là bà Ngô Thị Kim C1) không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đề nghị:

+ Giao cho ông Phan H được quyền sở hữu, sử dụng nhà và đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích 101,8m², nhà ở có diện tích xây dựng là 95,2m², địa chỉ tại 5 B, phường T, quận H (nay là phường H), TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do U cấp ngày 22/02/2001 cho bà Huỳnh Thị B và ông Phan T3 (chết).

+ Ông Phan H có nghĩa vụ bồi trả cho bà Phan Thị Tuyết L số tiền 2.085.897.776 đồng; bồi trả cho bà Phan Thị T2, bà Phan Thị T mỗi người số tiền 521.474.444 đồng; bồi trả ông Phan Minh Á, ông Phan Minh M, ông Phan Minh Q1 mỗi người số tiền 117.331.750 đồng và bồi trả cho bà Lê H1 số tiền 52.147.444 đồng.

+ Sau khi thực hiện nghĩa vụ bồi trả, ông Phan H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp chia thừa kế giữa nguyên đơn là bà Phan Thị Tuyết L với bị đơn là ông Phan H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và

211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T1, Lê Thị H1, Phan Minh M, Phan Minh Q1, ông Trần Trọng U, ông Trần Hoàng Q2, ông Trần Tấn Đ (người đại diện theo ủy quyền của ông U, ông Q2, ông Đ là bà Trần Thị Nam P), bà Trần Thị Nam P, bà Nguyễn Thị C, bà Ngô Thị Kim C1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Minh Á có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt Phan Thị T1, Lê Thị H1, Phan Minh Á, Phan Minh M, Phan Minh Q1, ông Trần Trọng U, ông Trần Hoàng Q2, ông Trần Tấn Đ (người đại diện theo ủy quyền của ông U, ông Q2, ông Đ là bà Trần Thị Nam P), bà Trần Thị Nam P, bà Nguyễn Thị C, bà Ngô Thị Kim C1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận ông Phan T3 (sinh năm 1921; chết ngày 20/11/1985) và bà Huỳnh Thị B (sinh năm 1929; chết ngày 04/10/2002). Ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B có 08 người con: bà Phan Thị T5 (chết ngày 14/4/1998, có chồng là Trần Trọng U và 03 con là Trần Hoàng Q2, Trần Tấn Đ và Trần Thị Nam P), bà Phan Thị T, ông Phan L1 (chết 01/11/2001, có vợ là Lê Thị H1 và 04 con là Phan Minh Q, Phan Minh Á, Phan Minh M và Phan Minh Q1), ông Phan H, bà Phan Thị T1, bà Phan Thị T2, bà Phan Thị Tuyết L, bà Phan Thị Lan N. Cha mẹ ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B đều chết trước ông T3 và bà B. Ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B không có con đẻ, con nuôi nào khác.

[2.2] Về di sản thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận, không có tranh chấp về di sản thừa kế do ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B để lại. Di sản thừa kế là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích 101,8m², nhà ở được xây dựng trên đất có diện tích xây dựng là 95,2m² tại địa chỉ 5 đường B, phường H, TP Đà Nẵng (phường T, quận H, TP Đà Nẵng cũ). Nhà đất đã có giấy chứng nhận theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do U cấp ngày 22/02/2001 cho bà Huỳnh Thị B và ông Phan T3 (chết).

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì thửa đất khoảng sân trời được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được lợp tôn; đối với diện tích đất thì cạnh hướng Đ (giáp đường kiệt B) ghi nhận chiều dài là 9,16 m (dư so với giấy chứng nhận được cấp là 0,56m). Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự thống nhất từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay thì hiện trạng nhà đất không thay đổi; việc chiều dài thực tế dư 0,56m so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do 02 hộ giáp ranh xây nhà nhưng vẫn để lại khoảng trống từ 0,2m-0,3m. Các bên đương sự thống nhất số đo, diện tích nhà đất theo giấy chứng nhận do UBND quận H, TP Đà Nẵng cấp ngày 22/02/2001 để làm cơ sở giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 612 Bộ luật Dân sự để xác định di sản của ông Phan T3

và bà Huỳnh Thị B là quyền sử dụng đất đất có diện tích 101,8m² và phần tài sản gắn liền với đất có diện tích 95,2m².

[2.3] Về phân chia di sản thừa kế:

Ông Phan T3 và bà Huỳnh Thị B chết nhưng không để lại di chúc. Ông Phan H cho rằng cha mẹ có di chúc miệng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, theo quy định tại Điều 650 Bộ luật Dân sự di sản thừa kế do ông T3, bà B để lại sẽ được chia theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ông Phan H yêu cầu xem xét công sức đóng góp của ông H trong việc giữ gìn tài sản, đóng thuế, thờ cúng tổ tiên. Xét thấy, từ khi ông Phan T3 mất năm 1985, bà Huỳnh Thị B mất năm 2002 đến nay ông Phan H là người sinh sống tại di sản thừa kế, thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đối với nhà nước, thờ cúng tổ tiên, có công sức lớn trong việc tôn tạo, giữ gìn và phát triển tài sản nên cần xem xét công sức đóng góp của ông H tương đương với 01 kỷ phần thừa kế là phù hợp. Như vậy, cần chia di sản thừa kế làm 09 phần, ông H được nhận 02 kỷ phần thừa kế.

Đối với 01 kỷ phần của ông Phan L1, HĐXX xét thấy: Ông L1 chết sau thời điểm ông Phan T3 chết và trước thời điểm bà Huỳnh Thị B chết. Do đó, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 (bao gồm vợ là bà Lê Thị H1 và 04 con là ông Phan Minh Q, ông Phan Minh Á, ông Phan Minh M, ông Phan Minh Q1) sẽ được thừa kế chuyển tiếp phần di sản ông T3 để lại cho ông L1. Những người thừa kế thế vị của ông L1 (bao gồm 04 con là ông Phan Minh Q, ông Phan Minh Á, ông Phan Minh M, ông Phan Minh Q1) sẽ được hưởng thừa kế thế vị phần di sản bà Huỳnh Thị B để lại cho ông L1. Do đó, ông Phan H có nghĩa vụ bồi trả cho bà Lê Thị H1 1/5 giá trị của phần di sản ông Phan T3 (0,5 kỷ phần thừa kế), bồi trả cho các ông Phan Minh Q, ông Phan Minh Á, ông Phan Minh M, ông Phan Minh Q1 1/5 giá trị của phần di sản ông Phan T3 (0,5 kỷ phần thừa kế) và 1/4 giá trị của phần di sản bà Huỳnh Thị B (0,5 kỷ phần thừa kế).

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị T1, bà Phan Thị Lan N và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị T5 là ông Trần Trọng U, ông Trần Hoàng Q2, ông Trần Tấn Đ và bà Trần Thị Nam P thống nhất giao kỷ phần thừa kế mà mình được hưởng cho bà Phan Thị Tuyết L. Ông Phan Minh Q thống nhất giao phần thừa kế mà mình được hưởng từ kỷ phần của ông Phan L1 cho ông Phan H. Xét thấy, việc từ chối nhận di sản thừa kế và tặng cho kỷ phần thừa kế của các đương sự nêu trên dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Như vậy, bà Phan Thị Tuyết L nhận được 04 kỷ phần thừa kế; ông Phan H nhận 02 kỷ phần thừa kế và phần thừa kế của ông Phan Minh Q được nhận từ 01 kỷ phần của ông Phan L1.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18.6.2025 thì việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật không thể thực hiện được do không đảm bảo quy định về việc phân chia tách thửa theo Quyết định 32/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của U và ảnh hưởng đến kết cấu của ngôi nhà trên đất. Hiện nay, ông Phan Q và vợ là bà Ngô Thị Kim C1, các con là Phan Minh H2 và Phan Minh Q3 không còn sinh sống trên thửa đất. Ông Phan H và bà Phan Thị T2 là người đang trực tiếp quản lý di sản nhưng

bà T2 không có nguyện vọng nhận hiện vật nên cần giao di sản thừa kế cho ông Phan H tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp. Ông H có nghĩa vụ thối trả chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự thống nhất giá trị di sản để giải quyết vụ án Theo Chứng thư thẩm định giá số 94/TĐG-CT ngày 08/5/2020 của Công ty cổ phần T6, không yêu cầu thẩm định giá lại tài sản, cụ thể:

- Giá trị quyền sử dụng đất (101,80m²): 4.628.439.000 đồng.

- Giá trị tài sản gắn liền với đất (Diện tích xây dựng 95,2m²): 64.831.000 đồng.

Tổng cộng: 4.693.270.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

Do đó, trị giá mỗi kỷ phần thừa kế là $4.693.270.000 \text{ đồng} : 9 = 521.474.444 \text{ đồng}$ (Năm trăm hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX căn cứ các Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật dân sự quyết định giao di sản cho ông Phan H, ông Phan H có nghĩa vụ thối trả tiền cho các đồng thừa kế như sau:

- Ông Phan H có nghĩa vụ thối trả cho bà Phan Thị Tuyết L giá trị của 04 kỷ phần thừa kế: $521.474.444 \text{ đồng} \times 4 = 2.085.897.776 \text{ đồng}$.

- Ông Phan H có nghĩa vụ thối trả cho bà Phan Thị T, Phan Thị T2 mỗi người giá trị của 01 kỷ phần thừa kế là 521.474.444 đồng.

- Ông Phan H có nghĩa vụ thối trả cho bà Lê Thị H1 1/5 giá trị của phần di sản ông Phan T3 (0,5 kỷ phần thừa kế): $0,5 \times 521.474.444 \text{ đồng} \times 1/5 = 52.147.444 \text{ đồng}$.

- Ông Phan H có nghĩa vụ thối trả cho ông Phan Minh Á, ông Phan Minh M, ông Phan Minh Q1 mỗi người 1/5 giá trị của phần di sản ông Phan T3 (0,5 kỷ phần thừa kế) và 1/4 giá trị của phần di sản bà Huỳnh Thị B (0,5 kỷ phần thừa kế): $(0,5 \times 521.474.444 \text{ đồng} \times A) + (0,5 \times 521.474.444 \text{ đồng} \times 1/4) = 117.331.750 \text{ đồng}$.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Tuyết L, ông Phan H, bà Phan Thị T, bà Phan Thị T2 có đơn đề nghị miễn án phí và thuộc trường hợp miễn án phí người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $52.147.444 \text{ đồng} \times 5\% = 2.607.372 \text{ đồng}$.

Ông Phan Minh Á, ông Phan Minh M và ông Phan Minh Q1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $117.331.750 \text{ đồng} \times 5\% = 5.866.587 \text{ đồng}$.

[5] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Tổng chi phí là 21.878.000 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng) do bà Phan Thị Tuyết L đã tạm ứng và chi xong. Do đó, về chi phí mỗi người phải chịu như sau: Ông Phan H phải chịu là 5.406.750 đồng; bà Phan Thị T và bà Phan Thị T2 mỗi

người chịu là 2.430.000 đồng; bà Lê Thị H1 phải chịu là 243.000 đồng; ông Phan Minh Á, ông Phan Minh M, ông Phan Minh Q1 mỗi người phải chịu là 546.750 đồng. Ông Phan H, bà Phan Thị T, bà Phan Thị T2, bà Lê Thị H1, ông Phan Minh Á, ông Phan Minh M, ông Phan Minh Q1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Phan Thị Tuyết L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 160, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 619, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 100, Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai;

- Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L đối với ông Phan H về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

1. Giao cho ông Phan H được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích 101,8m² và nhà cấp 4 trên đất, diện tích 95,2m² có kết cấu tường xây, mái tôn, nền gạch men tại địa chỉ tại 5 đường B, phường H, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401042190 do U cấp ngày 22/02/2001 cho bà Huỳnh Thị B và ông Phan T3 (chết).

2. Ông Phan H có nghĩa vụ bồi trả cho bà Phan Thị Tuyết L số tiền 2.085.897.776 đồng (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

3. Ông Phan H có nghĩa vụ bồi trả cho bồi trả cho bà Phan Thị T số tiền 521.474.444 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

4. Ông Phan H có nghĩa vụ bồi trả cho bồi trả cho bà Phan Thị T2 số tiền 521.474.444 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

5. Ông Phan H có nghĩa vụ bồi trả cho bà Lê Thị H1 số tiền 52.147.444 đồng (Năm mươi hai triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

6. Ông Phan H có nghĩa vụ bồi trả cho ông Phan Minh Á số tiền 117.331.750 đồng (Một trăm mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

7. Ông Phan H có nghĩa vụ bồi trả cho ông Phan Minh M số tiền 117.331.750 đồng (Một trăm mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

8. Ông Phan H có nghĩa vụ bồi trả cho ông Phan Minh Q1 số tiền 117.331.750 đồng (Một trăm mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Sau khi thực hiện nghĩa vụ thôi trả, ông Phan H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

1. Bà Phan Thị Tuyết L, ông Phan H, bà Phan Thị T, bà Phan Thị T2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2. Bà Lê Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.607.372 đồng (Hai triệu sáu trăm linh bảy ngàn ba trăm bảy mươi hai đồng).

3. Ông Phan Minh Á, ông Phan Minh M và ông Phan Minh Q1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.866.587 đồng (Năm triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm tám mươi bảy đồng).

4. Hoàn trả cho bà Phan Thị Tuyết L số tiền tạm ứng án phí là 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0007456 ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

III. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá:

- Ông Phan H phải hoàn lại cho bà Phan Thị Tuyết L số tiền là 5.406.750 đồng (Năm triệu bốn trăm linh sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

- Bà Phan Thị T phải hoàn lại cho bà Phan Thị Tuyết L số tiền là 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

- Bà Phan Thị T2 phải hoàn lại cho bà Phan Thị Tuyết L số tiền là 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

- Bà Lê Thị H1 phải hoàn lại cho bà Phan Thị Tuyết L số tiền là 243.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

- Ông Phan Minh Á phải hoàn lại cho bà Phan Thị Tuyết L số tiền là 546.750 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

- Ông Phan Minh M phải hoàn lại cho bà Phan Thị Tuyết L số tiền là 546.750 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

- Ông Phan Minh Q1 phải hoàn lại cho bà Phan Thị Tuyết L số tiền là 546.750 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

IV. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh